

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Nông nghiệp; Chuyên ngành: Quản lý đất đai

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **TRƯƠNG CHÍ QUANG.**

2. Ngày tháng năm sinh: 03/12/1978; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Vĩ Tân, TP. Vĩ Thanh, tỉnh Hậu Giang.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 15, Khu vực Yên Hạ, Phường Lê Bình, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Bộ môn Tài nguyên Đất đai, Khoa Môi trường và TNTN, trường Đại học Cần Thơ; Khu 2, Đường 3 tháng 2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0939388153; E-mail: tcquang@ctu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 3/2002 đến tháng 8/2004: Giáo viên trung học, Bộ môn Khoa học đất và Quản lý đất đai, Khoa Nông nghiệp & Sinh học ứng dụng, Trường Đại học Cần Thơ.

- Từ tháng 9/2004 đến tháng 1/2010: Giảng viên, Bộ môn Khoa học đất và Quản lý đất đai, Khoa Nông nghiệp & Sinh học ứng dụng, Trường Đại học Cần Thơ

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Từ tháng 2/2010 đến tháng 6/2012: Giảng viên, Tổ trưởng chuyên ngành, Bản đồ mô phỏng và GIS, Bộ môn Tài nguyên Đất đai, Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên, Trường Đại học Cần Thơ

- Từ tháng 6/2012 đến tháng 10/2014: Giảng viên, Tổ trưởng chuyên ngành, UV BCH Chi bộ, Bộ môn Tài nguyên Đất đai, Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên, Trường Đại học Cần Thơ

- Từ tháng 11/2014 đến tháng 6/2017: Giảng viên, Bộ môn Tài nguyên Đất đai, Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên, Trường Đại học Cần Thơ.

- Từ tháng 7/2017 đến tháng 1/2020: Giảng viên, Ủy viên BCH chi bộ, Bộ môn Tài nguyên Đất đai, Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên, Trường Đại học Cần Thơ.

- Từ tháng 2/2020 đến tháng 6/2021: Giảng viên chính, Ủy viên BCH chi bộ, Bộ môn Tài nguyên Đất đai, Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên, Trường Đại học Cần Thơ.

- Từ tháng 7/2021 đến nay: Giảng viên chính, Ủy viên BCH chi bộ, Phó trưởng Bộ môn, Bộ môn Tài nguyên Đất đai, Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên, Trường Đại học Cần Thơ.

Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng Bộ môn; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng Bộ môn.

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Tài nguyên đất đai, Khoa Môi trường và TNTN, trường Đại học Cần Thơ

Địa chỉ cơ quan: Khoa Môi trường và TNTN, Khu 2, Đường 3 tháng 2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Điện thoại cơ quan: (0292) 3831068.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không.

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 18 tháng 9 năm 2001; số văn bằng: 306398; ngành: Tin học, chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 04 tháng 11 năm 2009; số văn bằng: CH09-0249; ngành: Bản đồ viễn thám và Hệ thống tin địa lý; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Bách Khoa TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 19 tháng 01 năm 2017; số văn bằng: PARVI 9661965 201700321; ngành: Tin học, điện tử và viễn thông Paris; chuyên ngành: Mô hình hóa các hệ thống phức tạp; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Paris 6, Cộng hòa Pháp.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Hội đồng 1, Trường Đại học Cần Thơ.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Nông nghiệp – Lâm nghiệp.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ GIS, Viễn thám và công nghệ thông tin theo dõi hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp, phục vụ công tác quản lý nguồn tài nguyên đất đai.

- Ứng dụng mô hình hóa trong nghiên cứu sự thay đổi sử dụng đất hỗ trợ xây dựng phương án sử dụng đất đai bền vững.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 7 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 05 đề tài cấp cơ sở; 01 đề tài cấp Bộ;

- Đã công bố (số lượng) 51 bài báo khoa học, trong đó 10 bài báo khoa học/chương sách trên tạp chí quốc tế/nhà xuất bản có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 1, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): 0

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Về tiêu chuẩn của nhà giáo: Ứng viên luôn giữ vững đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước, quy định của đơn vị. Không ngừng rèn luyện đạo đức và tự học nâng cao trình độ. Bản thân có sức khỏe tốt. Đạt trình độ theo chuẩn chuyên môn nghiệp vụ.

- Về nhiệm vụ giảng dạy: Ứng viên đảm nhiệm công tác giảng dạy ở bậc đại học và sau đại học cho sinh viên chuyên ngành Quản lý đất đai. Đã tham gia hướng dẫn sinh viên thực hiện các luận văn tốt nghiệp đại học và luận văn thạc sĩ. Trong quá trình giảng dạy, bên cạnh việc truyền đạt kiến thức và kỹ năng, ứng viên thường xuyên nhắc nhở người học về đạo đức và thái độ để phục vụ tốt cho xã hội. Bản thân không ngừng học tập, rèn luyện bản thân về chuyên môn, đạo đức để đáp ứng cho công tác giảng dạy. Bên cạnh đó, ứng viên tham gia tích cực trong công tác phát triển và cập nhật chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai và Quy hoạch vùng và Đô thị của đơn vị.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học: Ứng viên đã chủ trì và tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp Cơ sở và các đề tài hợp tác quốc tế. Từ kết quả nghiên cứu, ứng viên đã phối hợp với các đồng tác giả xuất bản nhiều bài báo đăng trên các tạp chí trong nước, các chương sách do các nhà xuất bản có uy tín trên thế giới và các tạp chí quốc tế có uy tín. Một số kết quả nghiên cứu đã được chuyển giao cho địa phương sử dụng.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 17 năm 03 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2017-2018				13	157.3	89.3	246.6/779.6/280
2	2018-2019				06	171.05	87.8	258.85/456.15/280
3	2019-2020			03		97.35	147.8	245.15/470.45/280
03 năm học cuối								
4	2020-2021			02	07	155.8	87.8	243.6/674.6/280
5	2021-2022			02	04	206	87.8	293.8/596.8/280
6	2022-2023				08	190.5	29.3	219.8/567.8/280

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học **đại học chương trình song ngữ do AUF** tổ chức tại Việt Nam từ năm 1996-2001 và thực hiện và bảo vệ luận văn tốt nghiệp đại học bằng tiếng Pháp trước hội đồng quốc tế.

Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: **Pháp, năm 2016.**

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Kim Loan		X	X		12/2019-9/2020	Trường Đại học Cần Thơ	31/12/2020; Số: 0005988
2	Danh Văn Minh		X	X		12/2019-9/2020	Trường Đại học Cần Thơ	31/12/2020; Số: 0005989
3	Trần Kim Phụng		X	X		12/2019-9/2020	Trường Đại học Cần Thơ	31/12/2020; Số: 0005991
4	Trần Bích Nhân		X	X		11/2020-10/2022	Trường Đại học Cần Thơ	30/12/2022; Số: 0007331
5	Danh Thị Kim Tiến		X	X		11/2020-10/2021	Trường Đại học Cần Thơ	31/12/2021; Số: 0006521
6	Nguyễn Văn Chiêu		X	X		12/2021-9/2022	Trường Đại học Cần Thơ	30/12/2022; Số: 0007333
7	Phan Thanh Sang		X	X		12/2021-9/2022	Trường Đại học Cần Thơ	30/12/2022; Số: 0007339

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Hệ thống thông tin địa lý và Định vị toàn cầu	Giáo trình	Đại học Cần Thơ, 2022; ISBN:978-604-965-660-6	6	Nguyễn Thị Hồng Diệp	72-87; 152-155	QĐ nghiệm thu: QĐ 3748/QĐ-ĐHCT. Ngày 30/10/2020 Giấy xác nhận: 2312/GXN-ĐHCT

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: Không có.....

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I Trước khi được công nhận PGS/TS					
1	Ứng dụng công nghệ thông tin theo dõi tiến độ xuống giống liên quan đến cảnh báo rầy nâu trên lúa ở ĐBSCL	CN	B2009-16-139 Cấp Bộ	Tháng 5/ 2009-Tháng 5/2011	Nghiệm thu ngày 29/11/2011. Xếp loại: Tốt
2	Ứng dụng ảnh MODIS theo dõi sự thay đổi nhiệt độ bề mặt đất và tình hình hạn hán khu vực đbscl trước sự biến đổi khí hậu toàn cầu	CN	T2011-39 Cấp cơ sở	Tháng 1/2011 – tháng 12/2011	Nghiệm thu ngày 31/12/2011. Xếp loại: Tốt
3	Webgis trong tra cứu thông tin thửa đất và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, xã	CN	T2012-68 Cấp cơ sở	Tháng 1/2012 – tháng 12/2012	Nghiệm thu ngày 31/12/2012. Xếp loại: Tốt
4	Ứng dụng mô hình đa tác tử để mô phỏng sự thay đổi sử dụng đất vùng ven biển Đồng bằng Sông Cửu Long trong điều kiện mực nước biển dâng.	CN	T2014-89 Cấp cơ sở	Tháng 4/2014 – tháng 3/2015	Nghiệm thu ngày 31/12/2015. Xếp loại: Tốt
II Sau khi được công nhận PGS/TS					
5	Mô phỏng sự thay đổi diện tích đất trồng lúa vùng ven biển vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong điều kiện hạn mặn	CN	T2017-41 Cấp cơ sở	Tháng 5/2017 – tháng 4/2018	Nghiệm thu ngày 28/04/2018. Xếp loại: Tốt
6	Xây dựng quy trình liên kết cơ sở dữ liệu từ hệ thống cảm biến IoT với ảnh viễn thám trong mô phỏng năng suất và sản lượng lúa,	CN	T2019-51 Cấp cơ sở	Tháng 6/2019 – tháng 5/2021	Nghiệm thu ngày 22/04/2022. Xếp loại: Tốt

trường hợp nghiên cứu ở Sóc Trăng				
-----------------------------------	--	--	--	--

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận PGS/TS								
1	Ứng dụng thiết bị định vị toàn cầu GPS trong khảo sát và cập nhật bản đồ hiện trạng sử dụng đất	2	X	Tạp chí Khoa học đất Việt Nam. ISSN 2525 – 2216			Số 32/2009. Trang: 22-25	8/2009
2	Phương pháp chuyển đổi tọa độ bản đồ từ hệ quy chiếu INDIAN 1960 sang VN 2000	3	X	Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ. ISSN: 1859-2333			Số 14. Trang: 288-293	5/2010
3	WebGIS trong quản lý môi trường và tài nguyên thiên nhiên	4		Kỷ yếu hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2011.			Trang 375-383	12/2011
4	Ứng dụng GIS dự báo trung hạn khả năng nhiễm rầy nâu trên lúa – trường hợp nghiên cứu ở Đồng Tháp	4	X	Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ. ISSN: 1859-2333		5	Số 17a. Trang: 103-109	4/2011
5	Ứng dụng ảnh MODIS theo dõi sự thay đổi nhiệt độ bề mặt đất và tình hình khô hạn vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long	3		Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ. ISSN: 1859-2333		4	Số 24a. Trang 49-59	5/2012
6	Xây dựng hệ thống thông tin chuyên ngành	5		Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ.			Số chuyên đề CNTT.	10/2013

	nông nghiệp phát triển nông thôn trên WebGIS			ISSN: 1859-2333			2013. Trang: 1-10	
7	Công nghệ WebGIS ứng dụng trong quản lý tiến độ xuống giống và tình hình dịch hại tính An Giang	4	X	Kỷ yếu hội thảo Hội thảo quốc gia về Công nghệ thông tin năm 2013, ISBN: 978-604-919-012-4			Trang: 175-183	11/2013
8	Ứng dụng GIS trong quản lý đa dạng loài thủy sản Thành phố Cần Thơ	4		Hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2013, ISBN: 978-604-924-039-3			Trang: 177-186	12/2013
9	Quản lý dữ liệu rầy vào đền phục vụ canh tác lúa ở Đồng Bằng Sông Cửu Long.	4	X	Hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2013, ISBN: 978-604-924-039-3		7	Trang: 282-290	12/2013
10	Quản lý dữ liệu nước sạch Thành phố Cần Thơ bằng kỹ thuật WEBGIS	5	X	Hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2013, ISBN: 978-604-924-039-3			Trang: 273-281	12/2013
11	Ứng dụng công nghệ WebGIS quản lý dữ liệu thủy lợi tại Thành phố Cần Thơ	4		Tạp chí khoa học Đại học Cần Thơ. ISSN: 1859-2333		1	Số 30. Trang: 39-47	3/2014
12	Ứng dụng công nghệ WEBGIS trong công tác quản lý dữ liệu chăn nuôi - thú y tại thành phố Cần Thơ	5		Hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2014 ISBN: 978-604-919-249-4.			Tập 1. Trang: 58-67.	12/2014
13	Ứng dụng GIS trong quản lý và đánh giá biến động giá đất tại Thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang	3		Hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2014. ISBN: 978-604-919-249-4.			Tập 1. Trang :160-168.	12/2014
14	Mô hình thay đổi sử dụng đất vùng ven biển Đồng Bằng Sông Cửu Long	5	X	Kỷ yếu hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2014, ISBN: 978-604-919-249-4			Tập 1. Trang: 181-191.	12/2014

15	Tools and models for understanding and exploring urban spatial dynamics	6		Collection Conférences et Séminaires, Tri Thuc publishing house; ISBN: 978-604-943-185-2			Số 13. Trang: 173-200	7/2015
16	Mô hình Markov-Cellular Automata trong mô phỏng sự thay đổi sử dụng đất các tỉnh ven biển Đồng bằng sông Cửu Long	4	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. ISSN: 1859-2333		3	Số chuyên đề Công nghệ thông tin 2015. Trang: 196-202.	7/2015
17	Xây dựng hệ thống giám sát và phát triển bền vững Thành phố Cần Thơ	3		Kỷ yếu hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc 2015, ISBN: 978-604-82-1619-1.			Trang 92-96.	10/2015
18	Quản lý dữ liệu nông thôn mới trên cơ sở Hệ thống thông tin địa lý	3		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. ISSN: 1859-2333			Số 40. Trang 110-119	12/2015
19	Exploring Agent Architectures for Farmer Behavior in Land-Use Change. A Case Study in Coastal Area of the Vietnamese Mekong Delta	6	X	Multi-Agent Based Simulation XVI, LNAI. Springer International Publishing ISBN: 978-3-319-31446-4	Scopus (Q2)	25	Sách LNAI 9568 Trang: 146-158. 10.1007/978-3-319-31447-1_10	1/2016
20	Đề xuất công cụ tối ưu hóa đa mục tiêu trong phân tích các kiểu sử dụng đất nông nghiệp	3		Kỷ yếu hội nghị khoa học Quản lý Đất đai vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm 2016, ISBN: 978-604-919-785-7			Trang: 402-412	11/2016
21	Epidemiological Risks and Integration of Health Policies on a	6		Knowledge Publishing House, ISBN:			Trang: 167-207	7/2016

	Regional Scale: Modelling to Make Better Decisions			978-604-943-389-4				
22	Simulating Urban Growth with Raster and Vector models: A case study for the city of Can Tho, Vietnam	6		Autonomous Agents and Multiagent Systems. Springer International Publishing. ISBN: 978-3-319-46839-6	Scopus (Q2)	13	Sách LNAI 10003. Số dành cho Visionary papers. Trang: 154–171. 10.1007/978-3-319-46840-2_10	7/2016
23	Coupling environmental, social and economic models to understand land-use change dynamics in the Mekong Delta	3		Frontiers in Environmental Science. ISSN: 2296-665X	ISI Scopus IF=5.411 (Q1)	44	Tập 4-2016. 10.3389/fenv.s.2016.00019	3/2016
24	Exploring Trade and Health Policies Influence on Dengue Spread with an Agent-Based Model	7		Multi-Agent Based Simulation XVII. Springer International Publishing, ISBN: 978-3-319-46839-6	Scopus (Q2)	10	Sách LNAI 10399. Trang 111–127. 10.1007/978-3-319-67477-3_6	7/2016
II Sau khi được công nhận PGS/TS								
25	A Simple-to-Use BDI Architecture for Agent-Based Modeling and Simulation	5		Advances in Social Simulation 2015. Springer International Publishing, ISSN 2194-5357 ISBN: 978-3-319-46840-2	Scopus (Q2)	94	Tập 528. Trang: 15–28 10.1007/978-3-319-47253-9_2	2017
26	Mô phỏng sự thay đổi diện tích đất lúa dưới tác động của hạn, mặn -	3	X	Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ.		1	Tập 57, Số chuyên đề: Môi trường và	10/2017

	Trường hợp nghiên cứu ở tỉnh Sóc Trăng			ISSN: 1859-2333			Biến đổi khí hậu (2). Trang: 144-158 10.22144/ctu.jsi.2017.063	
27	An urban growth model for cities separated by rivers and canals	3	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế GIS IDEAS 2018 ISBN: 978-604-965-115-1			Trang: 183-187	11/2018
28	GIS VÀ VIỄN THĂM TRONG CUỘC CÁCH MẠNG NÔNG NGHIỆP 4.0 Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG	8		Kỷ yếu Hội thảo ứng dụng GIS toàn quốc. ISBN: 978-604-60-2842-0			Trang: 307-318.	2018
29	Sử dụng dữ liệu viễn thám trong công tác xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất tỉnh Vĩnh Long	7		Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn. ISSN: 1859-4581			Số 8 (2018) Trang: 144-149	8/2018
30	Ứng dụng bài toán tối ưu hóa và bố trí sử dụng đất nông nghiệp cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long	7		Tạp chí khoa học Đất. ISSN 2525 – 2216			Số 57. Trang: 97 – 102	7/2019
31	Ứng dụng ảnh viễn thám phân tích sự thay đổi vùng canh tác lúa trong mùa khô vùng ven biển Đồng bằng sông Cửu Long	3	X	Tạp chí khoa học Đất. ISSN 2525 – 2216			Số 57. Trang: 5-10.	7/2019
32	Xây dựng bản đồ cơ cấu mùa vụ và cảnh báo sâu bệnh hại chính trên các trà lúa tại tỉnh Vĩnh Long bằng công nghệ viễn thám	7		Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn. ISSN: 1859-4581			Số 3+4 (2019) Trang: 3-8	2/2019
33	Ứng dụng GIS trong quản lý bảo vệ thực vật	3	X	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.			Số 3+4. Trang: 281-286.	2/2019

	trên cây lúa tại tỉnh Vĩnh Long			ISSN: 1859-4581				
34	Ứng dụng công nghệ UAV (drones) theo dõi và hỗ trợ cảnh báo sớm dịch hại vùng canh tác lúa tỉnh Sóc Trăng	5		Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. ISSN: 1859-2333			Tập 57, số 2. Trang: 28–38. 10.22144/ctu.jvn.2021.034	4/2021
35	Adaptation strategies in the Mekong delta	9	X	AFD, Liên kết xuất bản bởi NXB Thế Giới, ISBN: 978-604-345-102-3			Trang: 441-475	11/2021
36	The Mekong Delta in the face of increasing climatic and anthropogenic pressures	11		AFD, Liên kết xuất bản bởi NXB Thế Giới, ISBN: 978-604-345-102-3			Trang: 339-369	11/2021
37	Ứng dụng sản phẩm ảnh chỉ số diện tích lá (MODIS LAI) và hệ thống quan trắc dữ liệu thời tiết trong mô hình ước đoán năng suất lúa	3	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. ISSN: 1859-2333			Tập 57, số 4 Trang: 53–64. 10.22144/ctu.jvn.2021.113	8/2021
38	Spatial Delineation of Rice Yield and Production by the Combination of Rice Crop Modelling and Remote Sensing: A Case Study in Soc Trang Province, Vietnam	4		International Journal on Advanced Science, Engineering and Information Technology. ISSN: 2088-5334	Scopus, (Q3)		Tập 11, số 3. Trang: 856–863. 10.18517/ijas.eit.11.3.11449	6/2021
39	Tiếp cận có sự tham gia của các bên và phương pháp liên ngành trong quy hoạch đô thị và phát triển bền vững ở Việt Nam	4		Hội thảo Quản trị rủi ro và phát triển đô thị bền vững. Nhà xuất bản Khoa học xã hội ISBN:978-604-308-721-5			Trang: 314-327	10/2021

40	Ứng dụng IoT trong quản lý thông tin nông nghiệp - Trường hợp nghiên cứu tại huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	4		Tạp chí Khoa học Đất. ISSN 2525 – 2216			Số 64. Trang: 81-85	9/2021
41	Ứng dụng webgis phục vụ tra cứu thông tin địa chính ở Thành Phố Bạc Liêu	2	X	Tạp chí Khoa học Đất. ISSN 2525 – 2216			Số 64. Trang: 177-181.	9/2021
42	Ứng dụng sản phẩm ảnh MODIS LAI trong mô hình ước tính năng suất lúa - trường hợp nghiên cứu ở tỉnh Sóc Trăng	4	X	Tạp chí Khoa học Đất. ISSN 2525 – 2216			Số 64. Trang: 86-90.	9/2021
43	Mapping and Monitoring the Rice Crop in Vietnam: Experienced Using RIICE Technologies	9	X	ACRS 2021. ISBN: 978-1-7138-4381-8	Scopus		Tập 1. Trang:1353-1363 Link	11/2021
44	Mô hình hóa sự thay đổi sử dụng đất dựa trên lựa chọn đa tiêu chí: Trường hợp nghiên cứu ở huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng	5	X	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. ISSN: 1859-2333			Tập 57, Số chuyên đề (2021) (2). Trang: 115–125. 10.22144/ctu.jvn.2021.055	11/2021
45	A Land-Use Change Model to Study Climate Change Adaptation Strategies in the Mekong Delta	6	X	IEEE-RIVF 2021. ISBN: 978-1-6654-0435-8	Scopus	2	Trang: 210-215 10.1109/RIVF51545.2021.9642072	12/2021
46	Capacity building on water and natural resources in south-east asia - benefits from the WANASEA project	6		GIS-IDEAS 2021. JVGC Technical Document ISBN: 978-4-901668-37-8			Số 10. Trang: 347 - 356	9/2021
47	A Land-Use Change Model to Support	5	X	Land.	ISI Scopus	10	11, 297.	2/2022

	Land-Use Planning in the Mekong Delta (MEKOLUC)			ISSN: 2073-445X	IF=3.905 (Q2)		10.3390/land11020297	
48	Spatial Analysis For Simulation The Changing Of Inland Water Depth: A Case Study In The Mekong Delta, Vietnam	4	X	Agricultural Engineering International. ISSN: 1682-1130	Scopus (Q3)		Tập 24, số 2. Trang: 15-24 Link	6/2022
49	An Agent-Based Model for Land-Use Change Adaptation Strategies in the Context of Climate Change and Land Subsidence in the Mekong Delta	9	X	Sustainability ISSN: 2071-1050	ISI Scopus. IF=3.889 (Q1)		15, 5355 10.3390/su15065355 .	3/2023
50	Detection of Spatio-Temporal Rice Cropping Systems in the Mekong Delta Using Long Term MODIS Time-Series Data	2		Journal of Environmental Information Science. ISSN: 2188-5796			Tập 2022, Số 2. Trang: 47-58. 10.11492/ceisapersen.2022.247	5/2023
51	An Analysis of Land Use Options using CLUMondo Model to Promote Agricultural Restructuring in the Mekong Delta's Coastal Area in Vietnam	6	X	Agricultural Science Digest. ISSN:0976-0547	Scopus (Q4)		Tập 2023, số 3 10.18805/ag.DF-545	6/2023

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà ứng viên là tác giả chính sau khi công nhận tiến sĩ gồm 4 bài báo như sau:

- (1) **Bài báo số 47:** Truong, Q.C., Nguyen, T.H., Tatsumi, K., Pham, V.T., Tri, V.P.D., 2022. A Land-Use Change Model to Support Land-Use Planning in the Mekong Delta (MEKOLUC). Land 11, 297.
<https://doi.org/10.3390/land11020297> . (ISSN: 2073-445X. Tạp chí thuộc ISI, Scopus, Q2, IF = 3.905)
- (2) **Bài báo số 48:** Quang, T.C., Minh, V.Q., Diep, N.T.H., Diem, P.K., 2022. Spatial Analysis For Simulation The Changing Of Inland Water Depth: A Case Study In The Mekong Delta, Vietnam. Agricultural Engineering International: CIGR Journal 24. [Link](#). (ISSN: 1682-1130). Tạp chí thuộc Scopus, Q3)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- (3) **Bài báo số 49:** Truong, Q.C., Drogoul, A., Gaudou, B., Taillandier, P., Huynh, N.Q., Nguyen, T.H., Minderhoud, P., Nguyen Thi Thu, H., Espagne, E., 2023. An Agent-Based Model for Land-Use Change Adaptation Strategies in the Context of Climate Change and Land Subsidence in the Mekong Delta. Sustainability, 15, 5355. <https://doi.org/10.3390/su15065355>. (ISSN: 2071-1050. Tạp chí thuộc ISI, Scopus, Q1, IF = 3.889)
- (4) **Bài báo số 51:** Quang, T.C., Diem, P.K., Minh, V.Q., Vu, P.T., Vu, P.H. and Chinh, P.T., 2023. An Analysis of Land Use Options using CLUMondo Model to Promote Agricultural Restructuring in the Mekong Delta's Coastal Area in Vietnam. Agricultural Science Digest. doi: [10.18805/ag.DF-545](https://doi.org/10.18805/ag.DF-545). (ISSN:0976-0547. Tạp chí thuộc Scopus, Q4)

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH-CN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo ngành Quy hoạch vùng và đô thị	Tham gia (Ủy viên)	Quyết định 151/QĐ-DHCT, ngày 12/01/2023	Trường Đại học Cần Thơ	Quyết định 803/QĐ-DHCT, ngày 02/03/2023	
2	Điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai	Tham gia (Tổ phó)	Quyết định 4788/QĐ-DHCT, ngày 19/11/2021	Trường Đại học Cần Thơ	Quyết định 3334/QĐ-DHCT, ngày 24/08/2022	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Cần Thơ, ngày 28 tháng 06 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trương Chí Quang